CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư LDG

Ngày 31/12/2025	4,320 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.5%	**-**	**2.1%**

DT thuần
Q4/25
201
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 79.0| 64.6%
YoY: ▲ 200| 14888%

LN thuần
Q4/25
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 68.2| 149%
YoY: ▲ 465| 133%

LN sau thuế
Q4/25
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0| 11.7%
YoY: ▲ 426| 140%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
40.3%
YoY: +/-▼ 754%

ROE
2025
10.6%
YoY: +/-▲ 87.4%

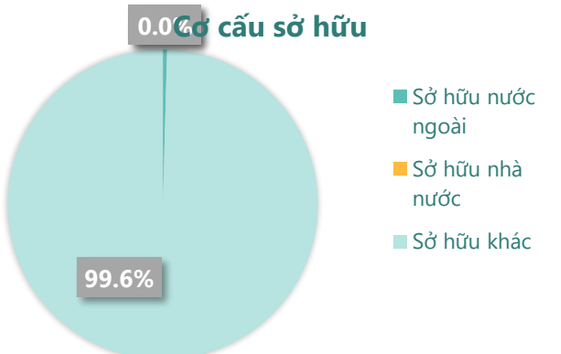
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,600 - 7,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,104
Số lượng CPLH (CP)	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,303,720
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.92
EPS	533
P/E	8.1

DT thuần
2025
403
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 576| 333%

LN thuần
2025
69.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,479| 105%

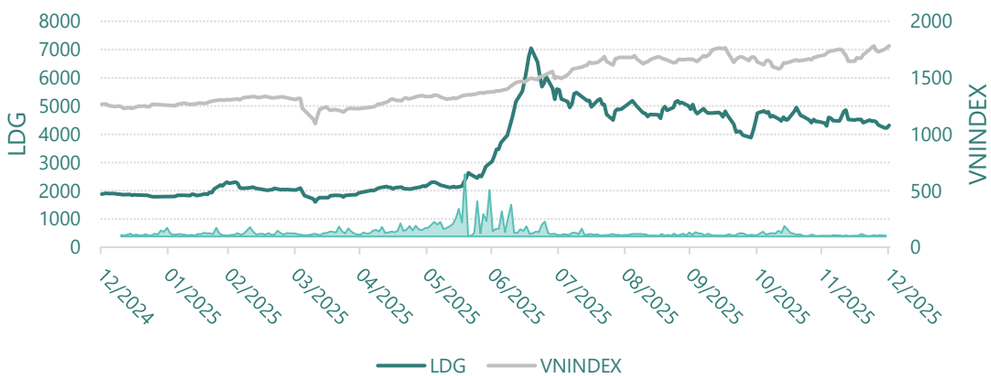
LN sau thuế
2025
136
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,642| 109%

Cơ cấu sở hữu

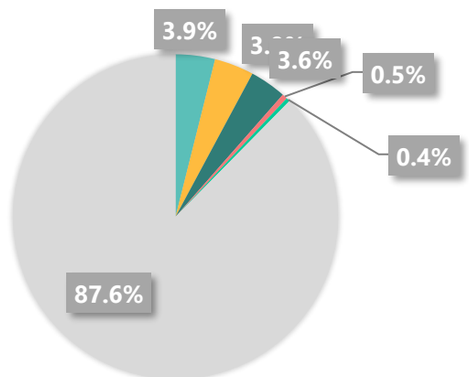


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



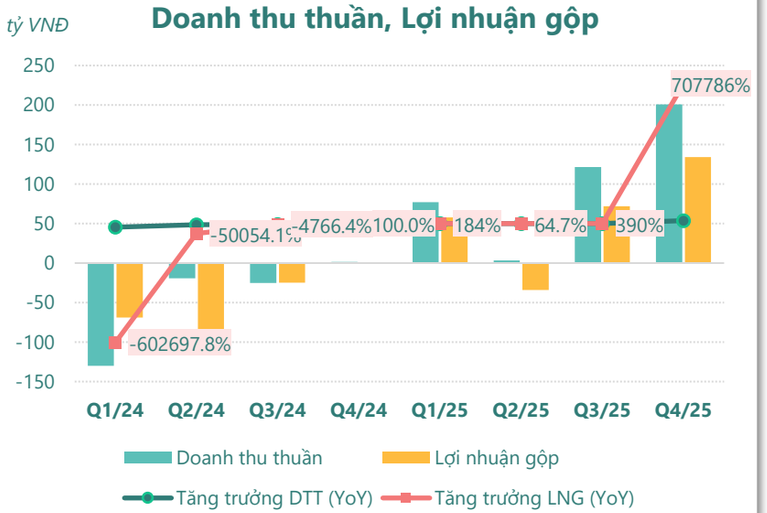
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

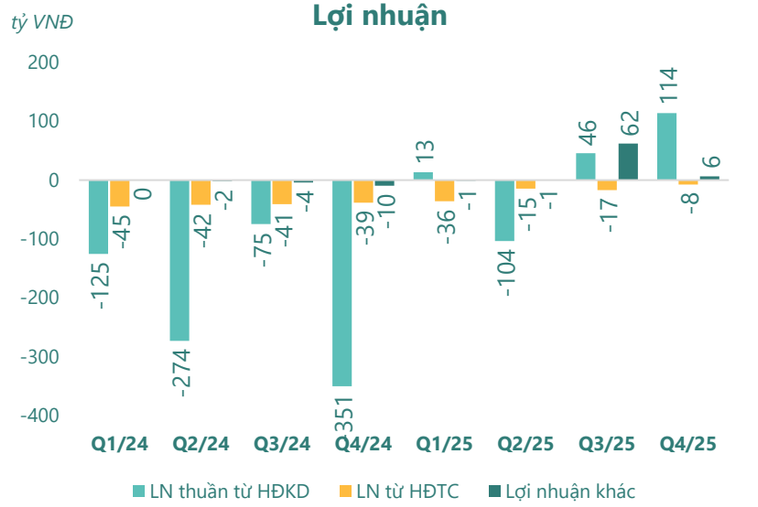
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



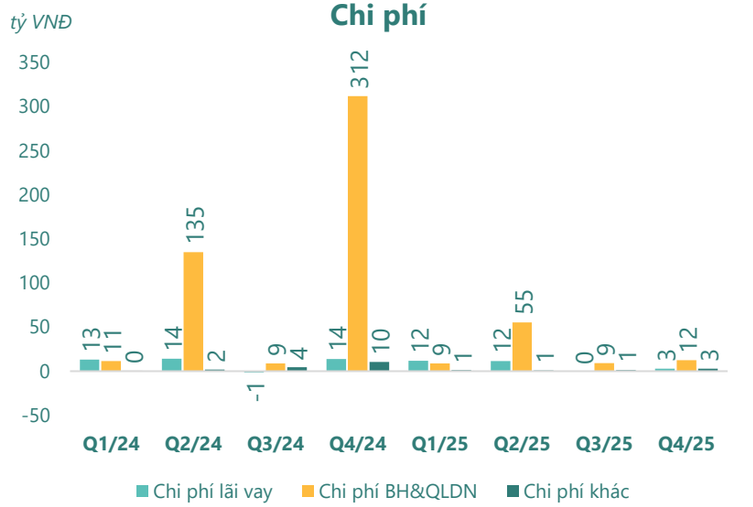
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



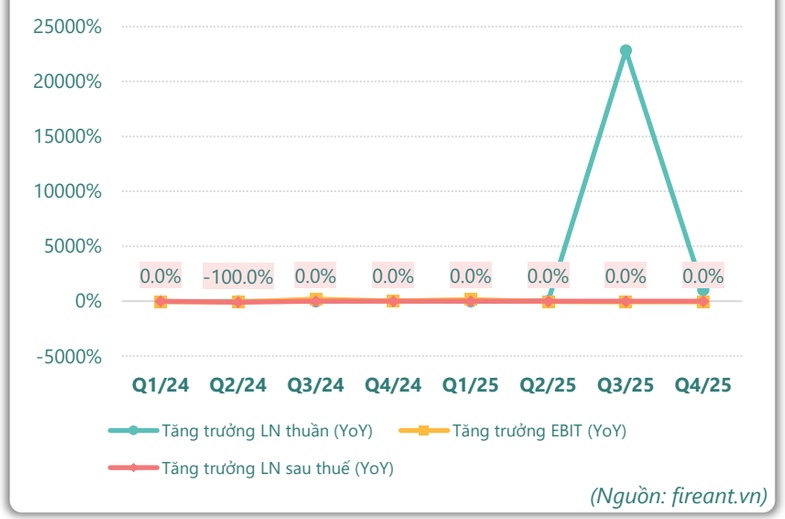
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



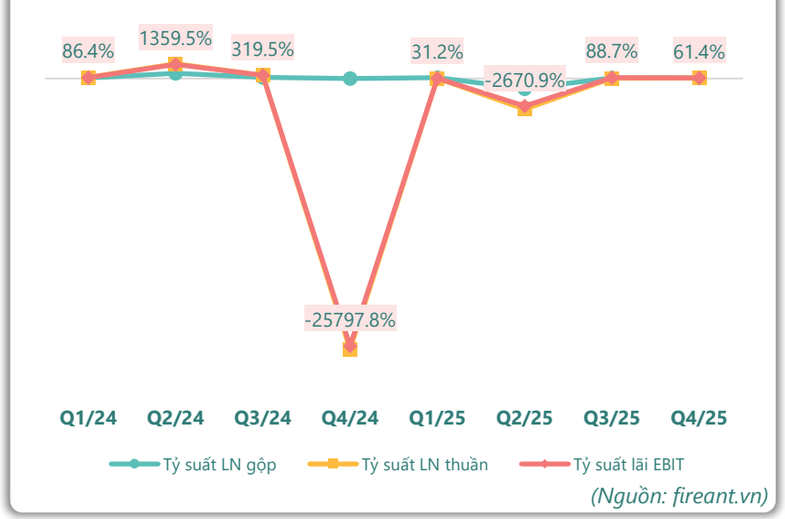
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



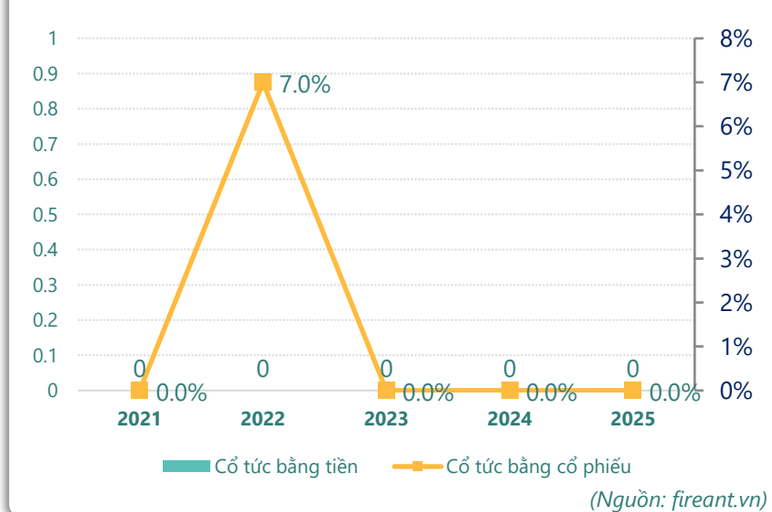
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

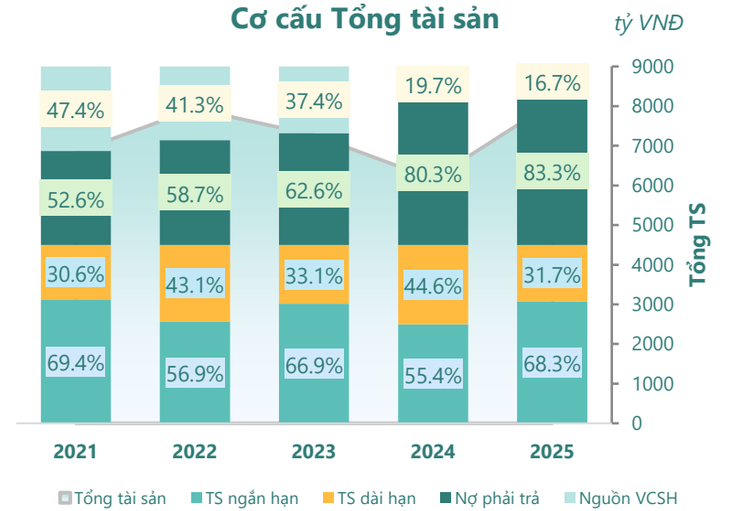
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

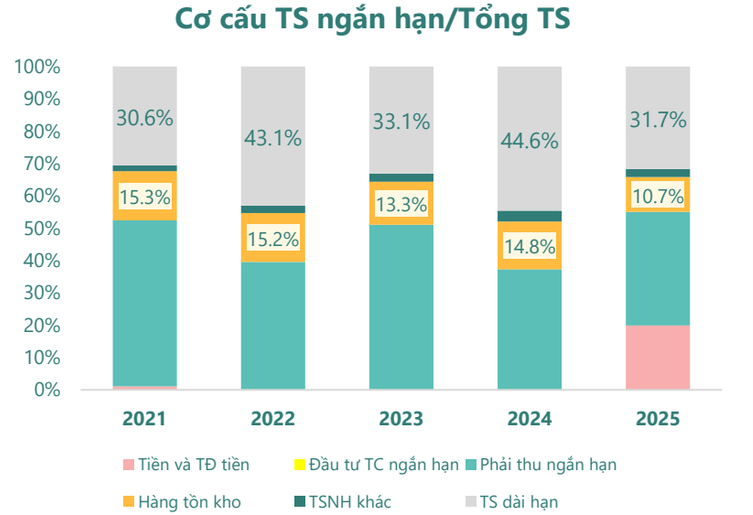
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



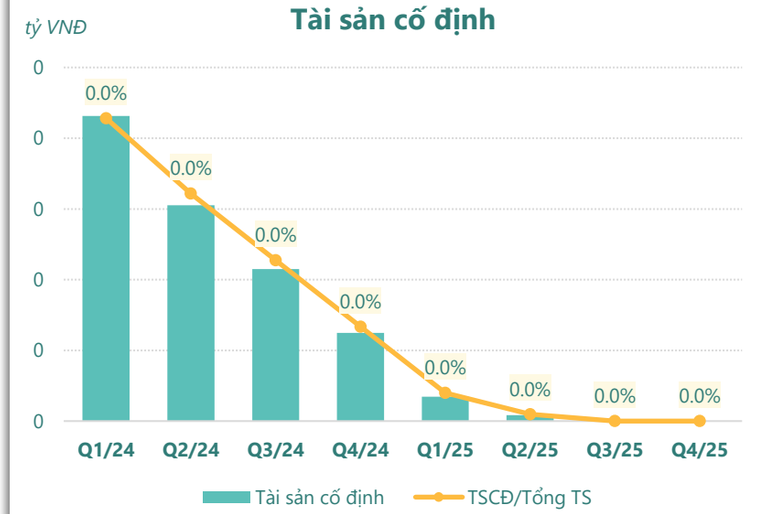
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



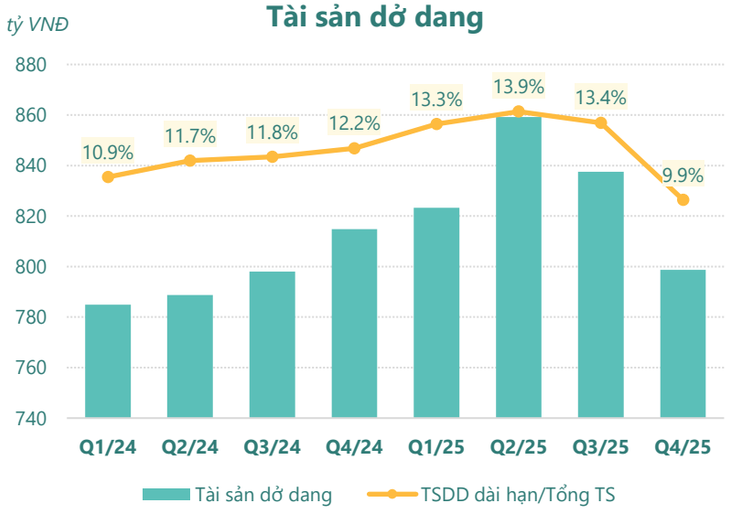
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



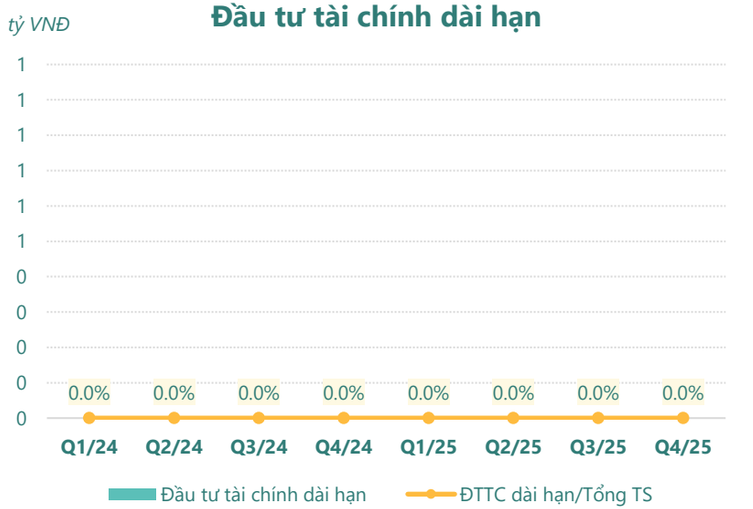
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



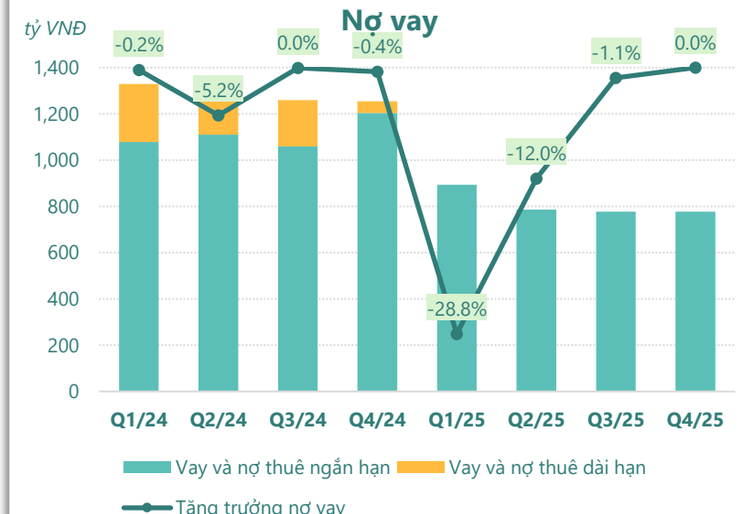
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

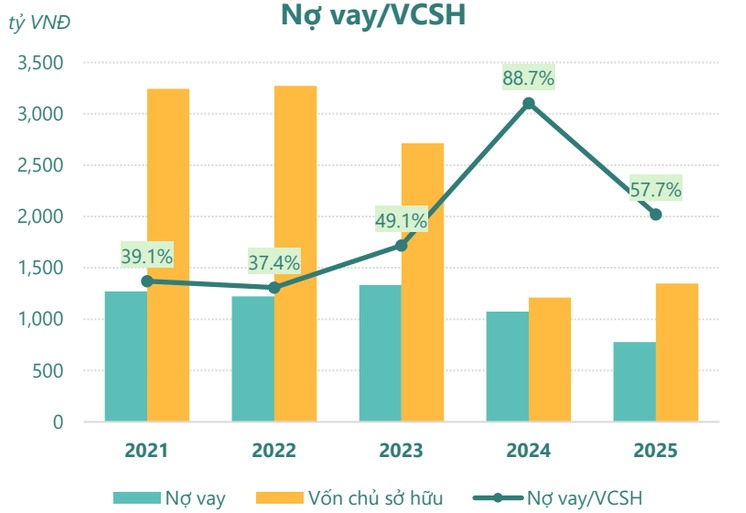
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

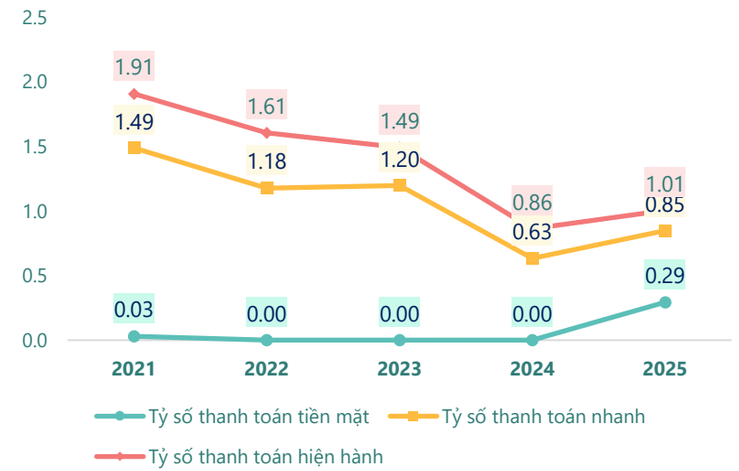
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



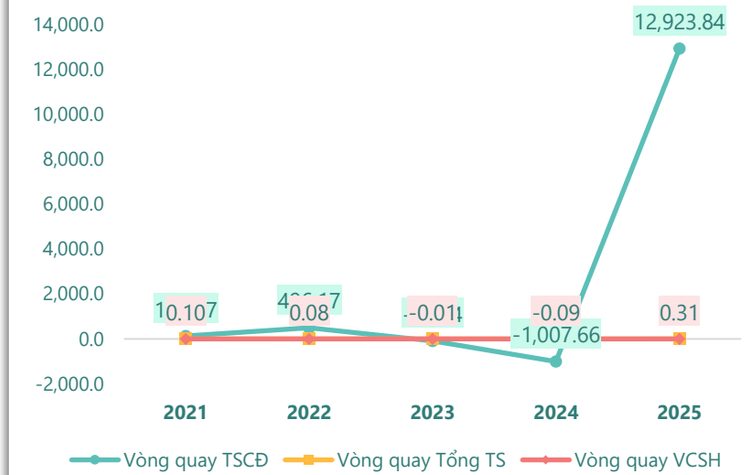
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



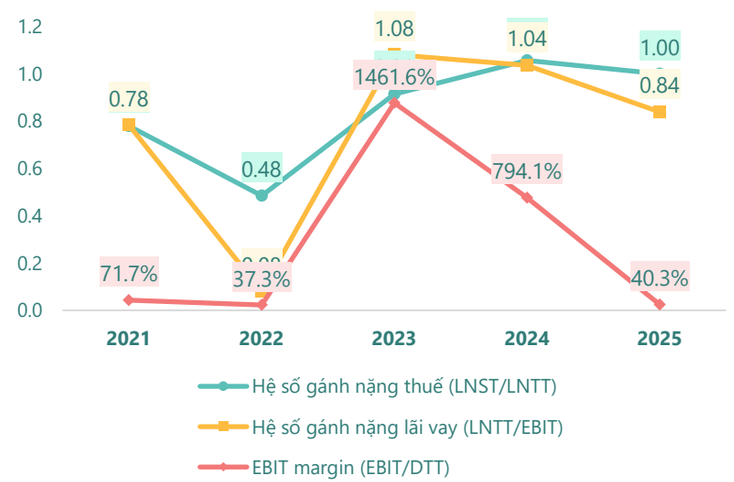
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



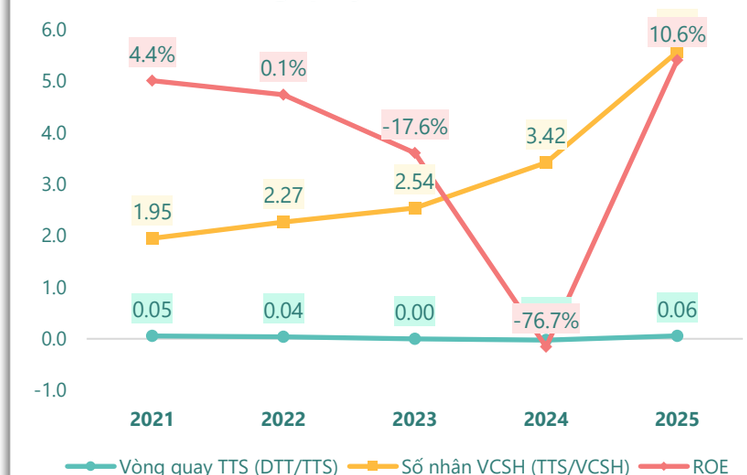
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



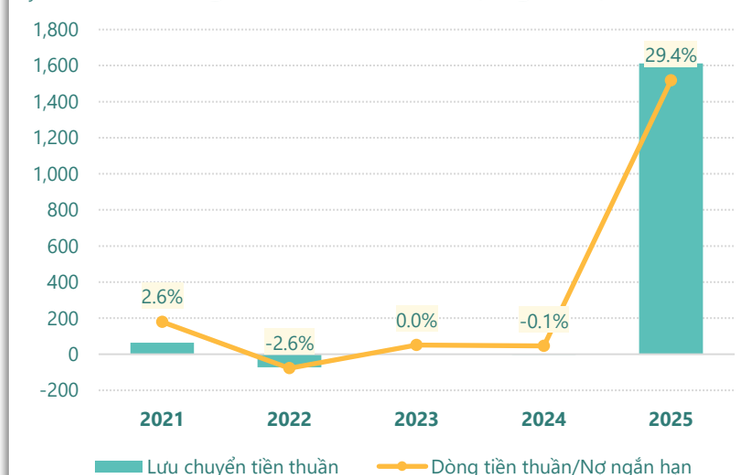
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**201**	**1.34**	**14888%**	**403**	**-173**	**333%**
Giá vốn hàng bán	66.7	1.36	4803%	173	506	-65.8%
Lợi nhuận gộp	134	-0.02	670901%	230	-679	134%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.01	-39.3%
Chi phí TC	7.65	38.6	-80.2%	75.0	161	-53.5%
Chi phí lãi vay	2.70	13.9	-80.6%	26.1	49.6	-47.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.93	2.44	20.2%	7.48	13.9	-46.2%
Chi phí QLDN	**9.48**	**309**	**-96.9%**	**78.1**	**556**	**-86.0%**
LN thuần từ HĐKD	114	-351	133%	69.3	-1,410	105%
Lợi nhuận khác	**6.47**	**-9.53**	**168%**	**66.9**	**-14.8**	**552%**
LN trước thuế	121	-360	133%	136	-1,425	110%
Lợi nhuận sau thuế	**121**	**-305**	**140%**	**136**	**-1,506**	**109%**
LNST của CĐ cty mẹ	**121**	**-305**	**140%**	**136**	**-1,506**	**109%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	6.04	189	99.8	8.24	1,611
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	-5.43	5.43	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.40	-5.54	-181	-107	-8.63	0.00
Tiền đầu kỳ	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.7**	**0.51**	**2.41**	**-1.77**	**-0.39**	**1,611**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16	1,612

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,085**	**6,157**	**31.3%**
Tài sản ngắn hạn	5,518	3,413	61.7%
Tiền và tương đương tiền	1,612	0.92	175997%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,840	2,298	23.6%
Hàng tồn kho	865	908	-4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	201	206	-2.7%
Tài sản dài hạn	**2,566**	**2,744**	**-6.5%**
Phải thu dài hạn	1,383	1,501	-7.9%
Tài sản cố định	0	0.06	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	799	815	-2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**376**	**411**	**-8.6%**
Lợi thế thương mại	8.98	17.1	-47.5%
Nợ phải trả	6,737	4,946	36.2%
Nợ ngắn hạn	**5,489**	**3,954**	**38.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	778	1,024	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	142	185	-23.2%
Nợ dài hạn	1,248	992	25.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,348**	**1,211**	**11.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,348**	**1,211**	**11.3%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)